

Bản án số: 11/2025/DS-PT

Ngày 21/02/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương;

Bà Cao Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa số 16/2025/TB-TA ngày 04/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: số C H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh P - Ngân hàng TMCP Đ (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 804/QĐ – B1 ngày 22/8/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Phước L, chức vụ: Giám đốc phòng G -

Chi nhánh P thuộc Ngân hàng TMCP Đ (theo Quyết định ủy quyền Số: 698/QĐ – B1.PNU ngày 26/6/2024); địa chỉ: Số G H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Ông L có mặt, ông T1 vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ánh T2; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Lê Thị B; địa chỉ: Khối phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.2. Chị Bùi Thị Thu H1; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.3. Chị Bùi Thị Thu H2; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn T3; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.5. Tổng Công ty B1 (Tổng Công ty B1); địa chỉ: Tầng A, tháp A, Tòa nhà V, số A Bà T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoài A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy N, chức vụ: Cán bộ phụ trách bồi thường Công ty B1. Có mặt.

4. *Người kháng cáo*: bà Nguyễn Thị Ánh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8821452/HĐTD ngày 10/8/2016 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8821452/HĐTD ngày 07/7/2017 (gọi là hợp đồng tín dụng), với nội dung: Ngân hàng cho ông L1 và bà T2 vay số 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng, từ ngày 07/7/2017 đến ngày 07/06/2018, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm được cố định đến ngày 30/9/2017, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mục đích vay đầu tư chăm sóc tiêu, cà phê. Phương thức trả nợ gốc 01 kỳ vào ngày 07/6/2018, phương thức trả nợ lãi tính thành 04 kỳ, số tiền trả nợ lãi theo dư nợ thực tế.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông L1 và bà T2 đã thế chấp cho ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8821452/HĐBĐ ngày 08/8/2016 (gọi là Hợp đồng thế chấp), đã được công chứng tại Văn phòng C và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện C ngày 09/8/2016, các tài sản gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 59b, tờ bản đồ 26, tại thôn H, thị trấn N, C, tỉnh Gia Lai diện tích 3012m² đất trồng cây lâu

năm. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 197583 do UBND huyện C cấp cho ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 ngày 09/12/2011.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 34, tờ bản đồ 00, tại thôn H, thị trấn N, C, tỉnh Gia Lai, diện tích 150m² đất ở đô thị. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 197549 do UBND huyện C cấp cho ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 ngày 14/11/2011.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 48b, 49b, tờ bản đồ 26, tại thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai, diện tích 2645m² đất trồng cây lâu năm. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 197582 do UBND huyện C cấp cho ông Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 ngày 09/12/2011.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho ông L1 bà T2 toàn bộ số tiền 700.000.000đồng.

Khi vay vốn ngân hàng, thì anh Bùi Văn L1 có mua bảo hiểm khoản vay của Công ty B1 tại Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 33170072272 ngày 07/7/2017. Ngày 22/10/2017, ông Bùi Văn L1 chết do bệnh, nên căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm thì Công ty B1 đã chi trả, bồi thường tiền bảo hiểm cho ông Bùi Văn L1 số tiền 107.350.000đồng. Theo thứ tự thu hồi nợ, thì Ngân hàng đã khấu trừ số tiền bảo hiểm này vào số tiền mà ông L1, bà T2 còn nợ ngân hàng để thu hồi nợ, trong đó trừ vào tiền gốc là 87.817.124 đồng, trừ vào tiền lãi là 19.532.876 đồng, trước đó ông L1, bà T2 đã tự trả nợ cho Ngân hàng 15.102.740 đồng tiền lãi. Tổng cộng, tính đến ngày 25/12/2017, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 122.452.740 đồng (trong đó gốc 87.817.124 đồng, lãi 34.635.616 đồng). Còn nợ 612.182.876 đồng tiền gốc, từ đó cho đến ngày 07/6/2018 là ngày đến hạn trả nợ và cho đến nay bà T2 chưa trả thêm khoản tiền nào cho ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 07/6/2018 và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T2 và những người thuộc hàng thừa kế của ông Bùi Văn L1 là bà Lê Thị B (mẹ ông L1), chị Bùi Thị Thu H2, Bùi Thị Thu H1 phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2024, tổng số tiền là 1.248.723.083đồng, trong đó: nợ gốc là 612.182.876 đồng; nợ lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, từ ngày 26/12/2017 đến ngày 07/6/2018 là $612.182.876 \text{ đồng} \times 10,5\%/365 \times 163 \text{ ngày} = 28.705.507 \text{ đồng}$; nợ lãi quá hạn, từ ngày 07/6/2018 đến 24/9/2024 là $612.182.876 \text{ đồng} \times 15,75\%/365 \times 2.301 \text{ ngày} = 607.834.700 \text{ đồng}$.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh T2 và những người thuộc hàng thừa kế của ông Bùi Văn L1 là bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, Bùi Thị Thu H1 phải liên đới phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh T2 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Văn L1 là bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, Bùi Thị Thu H1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng đề nghị được xử lý toàn bộ tài

sản thế chấp để thu hồi nợ tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8821452/HĐBĐ ngày 08/8/2016.

Do ông Bùi Văn L1 là người vay vốn hiện đã chết, mà quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông L1 được thừa kế, do đó, đề nghị Tòa án buộc với bà Nguyễn Thị Ánh T2 trả nợ cho ngân hàng trong phạm vi di sản mà ông Bùi Văn L1 để lại.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T2 trình bày:*

Ngày 07/7/2017, bà và ông L1 có vay của Ngân hàng 700.000.000 đồng và thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Về thời gian ký kết hợp đồng, số tiền vay, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất, thời hạn trả nợ, tài sản thế chấp đúng như nguyên đơn đã trình bày. Khi vay vốn, nhân viên ngân hàng có tư vấn cho chồng bà là ông L1 mua bảo hiểm khoản vay với điều khoản bảo hiểm là nếu ông L1 chết thì phía Công ty B1 sẽ có trách nhiệm thay ông L1 trả toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng, do đó ông L1 đã mua bảo hiểm với phí bảo hiểm là 2.120.000 đồng. Việc ngân hàng yêu cầu bà T2 phải trả nợ là không đúng với nội dung mà nhân viên ngân hàng đã tư vấn và hợp đồng, điều khoản bảo hiểm mà ông L1 đã ký kết. Trong trường hợp này phía Công ty B1 phải có trách nhiệm thay ông L1, bà T2 trả toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Vì vậy, bà T2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc chị trả nợ cũng như yêu cầu phát mãi, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của ngân hàng.

Đối với các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng là tài sản chung của bà T2 với ông L1, trong đó tài sản thứ nhất là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 34, tờ bản đồ 00, tại thôn H, thị trấn N, C, tỉnh Gia Lai, diện tích 150m² đất ở đô thị, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 150m². Việc bố mẹ của bà T2 là ông Nguyễn T3 và bà Mai Thị L2 sinh sống trong căn nhà này là việc riêng, nội bộ của gia đình. Đây là tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của bà T2 và anh Bùi Văn L1 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận số BH 197549 ngày 14/11/2011. Tài sản thứ hai là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 59b, tờ bản đồ 26, tại thôn H, thị trấn N, C, tỉnh Gia Lai, theo kết quả xem xét thẩm định, tại chỗ thể hiện diện tích thực tế đo đạc được mặc dù có giảm so với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH197583 là khoảng 500m², tuy nhiên việc giảm diện tích này cũng là việc của gia đình bà, do bà không còn nợ ngân hàng, do đó ngân hàng không được quyền phát mãi tài sản này để thu hồi nợ; tài sản thứ ba là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 48b, 49b, tờ bản đồ 26, tại thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai đây cũng là tài sản chung của bà và ông L1.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Lê Thị B: Bà là mẹ của ông L1, việc ông L1 với vợ là bà T2 vay tiền của Ngân hàng, thế chấp tài sản cho Ngân hàng bà không liên quan. Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bà không liên quan, bà T2 tự giải quyết. Mọi việc xử lý tài sản thế chấp của ông L1, bà T2 bà không liên quan, không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Nay bà già yếu, đề nghị tòa án cho bà vắng mặt.

Ông Nguyễn T3 và bà Mai Thị L2: Tài sản là quyền sử dụng đất diện tích

150m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 diện tích 150m² thuộc thửa đất 34, tờ bản đồ 00, tại thôn H, thị trấn N, C, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 197549 do UBND huyện C cấp cho ông L1, bà T2 ngày 14/11/2011. Có nguồn gốc là con cả Nguyễn Ngọc A1 mua của UBND huyện C, sau đó chuyển nhượng lại cho em gái là bà T2 và em rể ông L1. Năm 2012 thì bà T2, ông L1 đã chuyển nhượng lại cho ông và bà Mai Thị L2 quyền sử dụng đất này, việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ tài liệu, chưa sang tên cho ông bà, sau đó ông L1, bà T2 lợi dụng việc việc đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã tự ý đem thế chấp cho Ngân hàng để vay 700.000.000 đồng. Căn nhà 150m² là do ông xây, giấy phép xây dựng là do ông xin cơ quan nhà nước cấp phép, quyền sử dụng đất thuộc về ông vì vậy ông đề nghị khi xử lý tài sản thế chấp thì ông đề nghị ngân hàng không xử lý đối với tài sản này, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tổng Công ty B1: Ngày 07/7/2017, Công ty B1 cấp giấy chứng nhận Bảo hiểm người vay vốn BIC Bình An số 33170072272 cho ông Bùi Văn L1, cụ thể: Điều kiện, điều khoản bảo hiểm theo Quy tắc Bảo hiểm người vay vốn của Tổng công ty B1 được phê chuẩn theo Công văn số 4916/BTC – QLBH ngày 11/4/2016 của Bộ T4 (Quy tắc bảo hiểm); thời hạn bảo hiểm: 07/07/2017 đến ngày 07/6/2018; quyền lợi bảo hiểm: Chương trình gói A được quy định trong phụ lục – Quyền lợi bảo hiểm người vay vốn đính kèm Giấy chứng nhận bảo hiểm; phí bảo hiểm: 2.120.004 đồng. Hợp đồng bảo hiểm BIC với ông L1 là bảo hiểm tái tục (trước đây ông L1 đã tham gia Bảo hiểm có thời hạn 10/8/2016 – 10/7/2017). Căn cứ Giấy ra viện ngày 21/9/2017 của Bệnh viện C1 sản miệng; trích lục khai tử xác định ông Bùi Văn L1 chết do ung thư; Căn cứ mục 1.2 ốm đau bệnh tật của Bảng quyền lợi người bảo hiểm vay vốn. Công ty đã chi trả đầy đủ tiền bảo hiểm đối với trường hợp ông L1, điều kiện bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm của người vay vốn của Tổng công ty B1 cho người thụ hưởng và người được bảo hiểm. Người được bảo hiểm và người thụ hưởng đã ký xác nhận chấp nhận số tiền chi trả đủ và cuối cùng, không còn bất cứ khiếu nại nào đối với sự kiện bảo hiểm. Cụ thể sau khi Ngân hàng với Đại diện gia đình ông L1 là bà Nguyễn Thị Ánh T2 ký xác nhận chấp nhận số tiền bồi thường bảo hiểm và không có khiếu nại gì thì ngày 22/12/2017 Công ty B1 đã chi trả tổng cộng 108.350.000đồng, trong đó chi trả cho Ngân hàng số tiền 107. 350.000 đồng; chi trả cho gia đình bà T2 số tiền 1.000.000 đồng trợ cấp mai táng. Việc bà T2 cho rằng Công ty B1 phải có nghĩa vụ thay ông L1 bà T2 trả nợ cho ngân hàng là không có căn cứ, nên Công ty B1 không đồng ý. Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T2 trả nợ thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Với những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 và Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 292, 293, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 357, 463, 466, 468, 615, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016*

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, chị Bùi Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2024 là: 1.248.723.083 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc: 612.182.876 đồng, nợ lãi trong hạn: 28.705.507 đồng, nợ lãi quá hạn: 607.834.700 đồng. Bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, chị Bùi Thị Thu H1 phải liên đới trả nợ trong phạm vi di sản do anh Bùi Văn L1 để lại.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

Sau khi bà Nguyễn Thị Ánh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, chị Bùi Thị Thu H1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp nêu trên cho chị Nguyễn Thị Ánh T2 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Bùi Văn L1.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Ánh T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, chị Bùi Thị Thu H2, chị Bùi Thị Thu H1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/8821452/HĐBĐ ngày 08/8/2016 và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện C để thu hồi nợ. (Có sơ đồ hiện trạng tài sản kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án; xử lý chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Kháng cáo: Ngày 09/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T2 có đơn kháng cáo xem xét hủy bản án số 09/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.*

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị đơn được miễn tiền lãi và sẽ bán tài sản trả dần nợ gốc cho Ngân hàng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T2 trong thời hạn luật định nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ Điều 284 và 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét.

[2]. Các đương sự đều thừa nhận, bà Nguyễn Thị Ánh T2 và chồng là ông Bùi Văn L1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng. Các bên có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8821452/HĐTD ngày 10/8/2016 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8821452/HĐTD ngày 08/07/2017. Ngân hàng đã giải ngân cho bà T2, ông L1 vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay 11 tháng (từ ngày 07/7/2017 đến ngày 07/06/2018). Khi vay tiền, ông L1 bà T2 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8821452/HĐBĐ ngày 08/8/2016 để thế chấp 03 tài sản bảo đảm cho khoản vay. Ngoài ra ông Bùi Văn L1 có mua bảo hiểm khoản vay của Công ty B1 tại Giấy chứng nhận Bảo hiểm số 33170072272 ngày 07/7/2017. Sau khi ông L1 chết, đến hạn trả nợ nhưng bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T2 trả nợ và những người thừa kế thứ nhất của ông L1 trả nợ trong phạm vi di sản của ông L1 để lại là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của Nguyễn Thị Ánh T2, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T2 đề nghị Ngân hàng miễn cho bà khoản tiền lãi, bà sẽ bán tài sản để trả dần nợ gốc cho Ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bà T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác có thể làm thay đổi bản chất vụ việc nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005162 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị Ánh T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Chí Công

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Cao Thị Thanh Huyền

Trần Văn Thương

Đặng Chí Công

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS TP Pleiku;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Chí Công